

ĐỀ TÀI CŨ, QUAN NIỆM MỚI TRONG TIỂU THUYẾT ĐƯƠNG ĐẠI CỦA TRUNG QUỐC

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

LÊ HUY TIÊU*

3. Tiểu thuyết về đề tài quân đội:

Điều cần nói trước tiên là, đề tài quân đội nói ở đây bao gồm cả đề tài chiến tranh. Mặc dù đề tài chiến tranh không phải chỉ đề cập đến quân đội mà còn đề cập đến cả nhân dân, nhưng quân đội vẫn đóng một vai trò rất quan trọng, nếu không nói là chủ yếu.

Tiểu thuyết về đề tài quân đội thời kì đổi mới có nhiều đặc điểm khác với tiểu thuyết quân đội thời kì trước. Đối tượng thẩm mĩ của tiểu thuyết quân đội thời kì trước là đề tài lịch sử trọng đại như cuộc chiến tranh chống Nhật, cuộc chiến tranh giải phóng. Những tác phẩm thành công có *Bảo vệ Diên An* của Đỗ Bằng Trình, *Mặt trời đỏ* của Ngô Cường, *Thành đồng vách sắt* của Liễu Thanh, *Rừng thẳm tuyết dày* của Khúc Ba, *Đá đỏ* của La Quảng Bân và Dương Ích Ngôn, *Hồng kỳ phả* của Lương Bân, *Một thời phong lưu* của Âu Dương Sơn v.v.

Những tác phẩm trên, chủ đề rõ ràng và thống nhất: ca ngợi cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân; ca ngợi sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và các vị lãnh tụ; ca ngợi sự hi sinh anh dũng của quân và dân; ca ngợi sự đoàn kết keo

sơn như cá với nước giữa quân và dân; vạch trần sự tàn bạo của quân xâm lược Nhật Bản và tính phản động, hủ bại của quân đội và người cầm đầu Quốc dân đảng. Các tác phẩm trên đã sáng tạo được nhiều hình tượng nhân vật anh hùng cao đẹp như Chu Lão Trung, chị Giang, Hứa Vân Phong, Hoa Tử Lương, Tế Hiểu Hiên, Dương Tử Vinh v.v, đồng thời khắc họa được bộ mặt độc ác, nham hiểm của quân đội Nhật Bản cùng một số tướng tá của phe Quốc dân đảng.

Tuy nhiên, nhìn chung tiểu thuyết về đề tài quân đội thời kì 17 năm còn có những hạn chế. Về chủ đề tư tưởng thì đơn điệu và có phần hơi giống nhau, có hiện tượng công thức hóa và có xu hướng né tránh những vấn đề gai góc. Về sáng tạo nhân vật, do xuất phát từ quan niệm chính trị, sắc thái lí tưởng quá đậm làm ảnh hưởng đến tính chân thực của nhân vật. Đã là anh hùng dân tộc, các tác giả thường mô tả họ rất thiện chiến, dám hi sinh quên mình, tinh thần giác ngộ giai cấp rất cao, không một phút dao động sợ

* PGS.TS Khoa Văn học, Đại học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

sệt và thường xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ, có thâm thù đối với phong kiến và đế quốc v.v.

Đối với những sự kiện lịch sử phức tạp và nhạy cảm ở thời kì cách mạng dân chủ, tiểu thuyết về đề tài quân đội của thời kì 17 năm cũng thường né tránh, ít đề cập tới. Ví dụ, trong thời kì kháng chiến chống Nhật, tư tưởng yêu nước và tinh thần kháng chiến của những nhân vật ở “phía bên kia”, của quân đội Quốc dân đảng ít được miêu tả, thậm chí hoàn toàn né tránh. Tình hình đó khác với những tác phẩm ở thời kì cải cách như *Hồn quân đội*, *Quốc thương* của Chu Mai Sâm mạnh dạn đề cập đến tướng tá quân đội Quốc dân đảng đã anh dũng chống Nhật như thế nào, hoặc *Cao lương đỏ* của Mạc Ngôn, *Nhớ lại năm 1942* của Lưu Chấn Vân, căn cứ vào sự thực lịch sử miêu tả “chủ nghĩa sinh tồn” áp đảo “chủ nghĩa dân tộc”, nhân vật xuất hiện từ thô phỉ cũng có thể trở thành anh hùng cứu nước.

Như vậy là tiểu thuyết về đề tài quân đội trong thời kì cải cách đã có sự cách tân và đột phá rất quan trọng. Nó đột phá những khu cấm địa mà trước đây không được phản ánh, nó không xuất phát từ “nhu cầu chính trị” nữa, mà coi trọng quy luật nghệ thuật chân thực. Nó đối mặt với hiện thực, không né tránh những mâu thuẫn, những vấn đề cấm kỵ trước đây, nó miêu tả chân thực hiện trạng của quân đội ngày nay. Có thể thấy tiểu thuyết về đề tài quân đội có bốn đặc điểm:

- Đề tài đa dạng, phá bỏ khu cấm địa;
- Chủ đề phong phú và sâu sắc;
- Nhân vật từ đơn điệu trở nên phức tạp, từ thánh thiện trở nên thế tục;

- Về quan niệm sáng tác, phá bỏ quan niệm “nội bộ quân đội không có xung đột”, phá bỏ quan niệm thần bí đối với cuộc sống trong quân ngũ.

Phản ánh những mặt tiêu cực trong quân ngũ có những tiểu thuyết như *Hạ Nhật Lạc* của Diêm Liên Khoa, *Thiếu tướng* của Kiều Du, *Đại đội tân binh* của Lưu Chấn Vân, *Ra đời trong tuyệt vọng* của Chu Tô Tiến, *A Lý* của Tất Thúc Mẫn, *Mười chín ngôi mộ trong núi* của Hà Kế Thanh v.v. Truyện vừa *Hạ Nhật Lạc* là bi kịch của người lính sống cô độc và ảo tưởng. Tại đại đội 3 đang yên lành, thì xảy ra chuyện một lính mới tên là Hạ Nhật Lạc dùng súng tự sát. Sau khi điều tra mới biết, nguyên nhân dẫn đến cái chết của người lính trẻ là vì Hạ Nhật Lạc vừa phát hiện ra những hiện tượng xấu xa bê bối tồn tại lâu ngày trong đại đội. Anh đau khổ, cô đơn và vô vọng nên đã tìm đến cái chết để giải thoát.

Cái chết của người lính trẻ đã trở thành vật cản trên con đường thăng quan tiến chức của đại đội trưởng và chính trị viên. Đúng như đại đội trưởng nói: “Hạ Nhật Lạc đã làm hại mình.” Không được thăng chức thì gia đình vợ con không được đem theo, hộ khẩu ở nông thôn không chuyển được ra thành phố, sau khi giải ngũ không kiếm được việc làm xứng đáng. Thế là tình thương đồng đội chuyển hóa thành nỗi ai oán căm giận đồng đội.

Đại đội tân binh phản ánh những mâu thuẫn lục đục ở một đơn vị bộ đội mới tuyển quân. Những người nông dân hiền lành chất phác, chỉ mới làm lính có 3 tháng mà đã “trở thành xấu xa” cả, mọi người đều trở nên “quân thù quân

hần” đối với nhau. Tác giả chỉ ra nền chính trị dung tục và văn hóa sặc mùi chính trị đã nhào nặn nên những người lính hám danh, sĩ diện. Mọi người ganh đua “lập thành tích” để được vào Đoàn vào Đảng, khiến cho quan hệ giữa con người và con người trở nên xa cách, lạnh nhạt, tàn nhẫn, giả dối. Người thì bị nhục đã tự tử, kẻ thì tức khí bắn lại vị chỉ huy, kẻ thì bị đẩy đi dọn bô cho bố mẹ già của thủ trưởng. Những bi kịch ấy đều là kết quả của sự tha hóa do hoàn cảnh xã hội tạo nên.

Tiểu thuyết về đề tài quân đội ở thời kì trước khi cải cách, phần lớn là “ca công tụng đức”, chứ chưa dám đề cập đến những vấn đề gai góc, cấm kỵ của quân đội. Trước đây, tác phẩm nào chỉ sơ sơ đề cập đến nhân tính trái ngược với “âm điệu chủ đạo của thời đại” là bị phê phán liên. Vả lại đọc những cuốn tiểu thuyết ở thời kì đó, chúng ta đều dễ dàng nhận ra chúng đều coi trọng nhu cầu chính trị mà coi nhẹ quy luật của nghệ thuật, các nhân vật chính diện đều anh dũng, cương nghị, thuần khiết, trung thành, chí công vô tư v.v..., khá đơn điệu; còn nhân vật phản diện thì đều xuất thân từ tầng lớp bóc lột hoặc thành phần bất hảo.

Tiểu thuyết về đề tài quân đội trong thời kì đổi mới đã dám đề cập đến những vấn đề gai góc, phá bỏ mô thức đơn điệu của quá khứ, nhân vật phức tạp chứ không đơn giản một chiều nữa. Tiểu thuyết về đề tài quân đội trong thời kì mới ngày một hướng về chủ nghĩa hiện thực. Các tác giả không ngừng khai thác những đề tài mới lạ. Ở nước nào cũng vậy, tổ chức của quân đội quốc gia bao giờ cũng gắn bó mật thiết với tổ chức dân tộc

của quốc gia đó. Trong lãnh vực quân đội, khi đội ngũ tiếp nhận nhiều thành viên ở nông thôn và thành thị có trình độ văn hóa và phong tục khác nhau và được nhào nặn trong chế độ chính trị không hoàn thiện, thì đội quân ấy không còn là đội quân lí tưởng nữa. Trước kia trong một thời gian dài, văn học Trung Quốc thường coi lãnh vực quân ngũ là thánh địa, giờ đây các nhà văn không nhìn quân đội một cách cô lập nữa mà đặt nó vào trong chỉnh thể xã hội để quan sát. Niềm vui, nỗi buồn của quân đội có quan hệ máu thịt với sự sinh tồn của nhân sinh thế tục.

4. Tiểu thuyết đô thị

Tiểu thuyết đô thị là một trong những biểu trưng của thời đại văn minh. Nhưng ở Trung Quốc trước kia, người ta cho thành thị là nơi ô nhiễm, không lành mạnh, gắn liền với những khái niệm như “giai cấp tư sản”, “lũ ăn bám thành phố”, “tiểu thị dân dung tục” v.v. Do đó, việc “cải tạo thành thị” trở thành khẩu hiệu phổ biến của xã hội đương thời. Chính vì vậy, các nhà văn rất ít viết về đề tài này.

Nhìn qua lịch sử Trung Quốc, ta thấy sự phồn vinh của thành thị, sự phát triển của tầng lớp thị dân, đều có tác dụng thúc đẩy văn học phồn vinh. Tiểu thuyết thoại bản đời Tống Nguyên, tạp kịch đời Nguyên, tiểu thuyết đời Minh Thanh, đều có liên quan đến sự xuất hiện và phát triển của thành thị và thị dân. Xưa kia thành phố của Trung Quốc chỉ là trung tâm tiêu thụ và trung tâm chính trị, thì giờ đây thành phố đã trở thành trung tâm chính trị, trung tâm kinh tế kết hợp giữa sản xuất và tiêu thụ như kiểu thành phố phương Tây

vậy. Mặc dù thị dân vẫn còn chiếm tỉ lệ thấp trong nhân khẩu Trung Quốc, nhưng tâm thức, sinh thái, phong tục của họ rất phong phú phức tạp. Thêm vào đó, những quan niệm coi thường dân "kẻ chợ" đã bớt dần, văn hóa của họ ngày càng được coi trọng. Thời kì mở cửa đã xuất hiện nhiều cuốn tiểu thuyết hay như *Chung cổ lâu*, *Thanh cao*, *Cái giếng*, *Nhân sinh phiến nảo*, *Không nói chuyện tình yêu*, *Phong cảnh*, *Hang tôi*, *Đơn vị*, *Lông gà đầy đất* v.v. Có thể nói, thời kì này, quan hệ giữa văn học và thị dân đã được xác định đúng đắn, đời sống thị dân Trung Quốc đã bắt đầu có được địa vị xứng đáng trong lĩnh vực thẩm mỹ của văn học đương đại.

Tiểu thuyết đô thị thời kì cải cách có thể chia ra làm hai loại: loại viết về đô thị thời quá khứ và loại viết về đô thị thời hiện tại. Dưới đây chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn về thể loại viết về đô thị thời hiện tại

Nói đến cuộc sống ở thành phố, người ta thường kể ra những đặc điểm sau đây: dân cư đông đúc, nhà ở chật chội, giao thông dày đặc, cuộc sống văn hóa phong phú, mua bán tiêu dùng tấp nập, tiếng động ồn ào, thông tin nhanh nhạy v.v. Những đặc điểm trên hình thành nên sự khu biệt giữa thành thị và nông thôn. Đằng sau sự phồn hoa của thành phố là những khó khăn, nhọc nhằn, nghèo khổ và phiến nảo. *Sự than phiền về xe công cộng*, *Nhân sinh phiến nảo*, *Hang tôi*, *Nửa giờ ăn cơm trưa*, *Lông gà đầy đất* v.v đã nói lên những vấn đề sinh tồn khốn khó của các tầng lớp thị dân như công nhân, cán bộ, trí thức và những người buôn bán nhỏ v.v. Lương bổng ít ỏi, nhà ở ổ chuột, giao thông ách tắc, già

trẻ ít được chăm sóc, nhịp sống căng thẳng khẩn trương... là những vấn đề mà người dân thành phố phải đối mặt hàng ngày. Ở đây các tác giả ca ngợi sự cần cù, nhẫn nại, khắc phục khó khăn của người dân đô thị.

Con người đến tuổi trung niên của Thẩm Dung kể về nữ bác sĩ Lục Văn Đình đã phải vất vả đấu tranh với bao khó khăn để vượt lên số phận. Tác phẩm muốn gửi đến người đọc một thông điệp: những năm 70 và 80, mặc dù cuộc sống còn vất vả, người trí thức vẫn một lòng một dạ cống hiến sức lực vì tính mạng của nhân dân, đồng thời kêu gọi mọi người hãy quan tâm hơn nữa đến người trí thức đã đến tuổi trung niên. Nhiều tác phẩm như *Chung cổ lâu*, *Thị trấn nhỏ bé - xin chào*, *Phố cũ* v.v đều thể hiện tình cảm tương thân tương ái, ấm áp tình người của những người bình dân ở thành thị. Xưa kia người ta có cái nhìn hẹp hòi khinh mạn đối với "tiểu thị dân" ở thành phố, giờ đây nhiều tiểu thuyết như *Giám đốc Kiều nhậm chức*, *Nhà số 5 phố Hoan Viên*, *Mặt trời xanh* v.v đã miêu tả những cống hiến của các kĩ sư, bác sĩ, cảnh sát, công nhân hỏa táng... cho sự nghiệp xây dựng văn minh của thành phố.

Ca ngợi sự sáng tạo văn minh của thị dân trong tiểu thuyết đương đại thể hiện sự chuyển biến rất quan trọng về phương diện quan niệm: không còn coi thành phố là cái "chum tộp pí lù" sản sinh ra những hiện tượng xấu xa nữa. Thành thị quả là có phát sinh những tệ nạn, nhưng đồng thời thành thị còn sáng tạo ra văn minh của nhân loại. Những thứ văn minh này ở nông thôn không thể có được. Ví dụ, khoa học kĩ thuật, văn

hóa giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn học nghệ thuật v.v. Thường là thành thị đi trước nông thôn một bước, xã hội công nghiệp bao giờ cũng ưu việt hơn xã hội nông nghiệp. Vì thế cần phải nhiệt tình khẳng định sự gian khổ và cống hiến của thị dân trong công cuộc xây dựng nền văn minh hiện đại.

Những nhược điểm của tầng lớp thị dân mà các tiểu thuyết thành thị miêu tả thường có tính thời đại. Thói cơ hội "gió chiều nào che chiều ấy" trong *Tòa án đặc biệt* của Lục Văn Phu, thói liêu lĩnh vô kỉ luật trong *Quý sống* của Trương Vũ, thói tranh giành đấu đá trong *Kỉ sự về ngôi lầu sắp đổ* của Lý Quốc Văn, được hình thành từ trong phong trào đấu tranh theo đường lối tả khuynh trong "Cách mạng văn hóa".

Những thiếu sót trong tâm thái của thị dân thường có liên quan mật thiết đến hoàn cảnh sống của họ. Ví dụ, người ở quá đông, nhà cửa chật chội, giao thông ách tắc, điều kiện vệ sinh còn hạn chế, thu nhập chưa cao v.v dẫn đến những phản ứng về đòi hỏi sinh tồn. Con người là sản phẩm của hoàn cảnh, mà hoàn cảnh do con người sáng tạo ra, con người cấu tạo nên hoàn cảnh, hoàn cảnh ngược trở lại quy định con người. Nhân vật người vợ của Tiểu Lâm (trong tiểu thuyết *Lông gà đầy đất* của Lưu Chấn Vân) nguyên là một nữ sinh viên có lí tưởng lãng mạn, bỗng chốc biến thành người vợ dung tục cay nghiệt, đang đem đi múc trộm nước nhà hàng xóm. Sự thay đổi tính cách ấy một phần do hoàn cảnh sinh thái gây nên. Nhiều tác phẩm thông qua phơi bày những nhược điểm của thị dân để nêu lên vấn đề cải tạo

linh hồn quốc dân mà Lỗ Tấn xưa kia đã nói đến là vô cùng cần thiết.

Tiểu thuyết đô thị ngoài việc thể hiện tinh thần nhìn thẳng vào hiện thực ra, còn thể hiện ý thức lịch sử và màu sắc văn hóa nữa. Nhân vật người bố trong *Phong cảnh* của Phương Phương là con người sống với quá khứ, khi về già cô quạnh, ông ta thường nhớ về đoạn đời đấu tranh hào hùng và lấy đó làm niềm an ủi. Quá khứ lịch sử đã soi bóng xuống cuộc đời của các nhân vật.

Ý thức văn hóa gắn liền với ý thức lịch sử. Tiểu thuyết đô thị khi mô tả những khiếm khuyết của nhân vật, ở một mức độ nhất định, đều bắt nguồn từ quan niệm văn hóa lễ giáo cổ hủ. Chẳng hạn những người con trong tác phẩm *Tâm thờ* đều nhất tề phản đối mẹ góa đi bước nữa. Trong số những người con, có người là cán bộ nhà nước hần hoi, mà vẫn kiểm soát chứng minh mẹ mình tái giá là không thích hợp. Rõ ràng đạo đức luân lí phong kiến đã trở thành tâm lí văn hóa của tầng lớp thị dân sống ở thành phố văn minh. Muốn thay đổi tâm lí văn hóa đó, còn phải trải qua một thời gian dài, không thể giải quyết trong một sớm một chiều được.

5. Tiểu thuyết viết về trí thức

Trong thời kì cách mạng giải phóng, ở Trung Quốc, người ta coi thường trí thức, do đó tiểu thuyết viết về trí thức rất ít (nếu có thì người trí thức cũng chỉ là "đối tượng cải tạo" mà thôi). Nếu như đề tài trí thức trong lịch sử văn học hiện đại Trung Quốc còn là câu chuyện hay bàn đến, thì sau ngày thành lập nước cho đến trước thời kì mở cửa, nó vẫn là

câu chuyện ít được bàn đến và có nhiều điều cấm kị.

Trong phong trào “chống phá hủy”, người trí thức bị đả kích, xảy ra nhiều bi kịch. Đến “Cách mạng văn hóa”, người trí thức bị coi là thành phần thoái tha. Chính vì lẽ đó, trong thời kì mới, người trí thức được đồng tình và ca ngợi. Những người trí thức trong các tác phẩm ở thập kỉ 70 và đầu thập kỉ 80 như *Chủ nhiệm lớp*, *Tôi yêu mỗi một phiến lá*, *Linh hồn và thể xác*, *Con người đến tuổi trung niên* v.v đều là những nhân vật chính diện có những phẩm chất tốt đẹp. Nhưng đến cuối thập kỉ 80 và những năm 90, tình hình có thay đổi, người trí thức không còn đáng yêu đáng kính nữa, mà trở thành ti tiện xấu xa, đáng phê phán. Chẳng hạn, các tác phẩm như *Bát đi mười tuổi*, *Lông gà đầy đất*, *Không nói chuyện tình yêu* v.v đã bắt đầu châm biếm thói hư vinh, ba phải, đố kị, dung tục của người trí thức. Nhất là những cuốn truyện gần đây như *Phế đô*, *Lá cờ dục vọng*, *Quý tộc độc thân* v.v, hình tượng những nhà buôn, phóng viên, nhà văn, nhà nghệ thuật, học giả, giáo sư... đều là những người kiêu căng kì dị, dung tục hám tiền, hám địa vị, hám sắc.

Hình tượng người trí thức được ca ngợi ở cuối thập kỉ 70 và đầu thập kỉ 80 thường là những người hiền lành hay gặp nạn (như trong *Nửa đàn ông là đàn bà* của Trương Hiền Lượng); người tốt bị khổ (như trong *Con người đến tuổi trung niên* của Thẩm Dung); những người tiến bộ (như trong *Chủ nhiệm lớp* của Lưu Tâm Vũ và *Giám đốc Kiều nhậm chức* của Tưởng Tử Long). Những hình tượng người trí thức đáng ca ngợi này quả thật là một thực thể đang tồn tại trong cuộc

sống mới, nhưng ở đây có vấn đề “mức độ” của sự ca ngợi. Các tác giả dường như lặp lại nhược điểm: người nào tốt thì tất cả đều tốt, người nào xấu thì xấu đủ mọi bề. Do đó đã mắc phải khuyết điểm “điển hình hóa” một cách cực đoan. Ví dụ, nhân vật nữ bác sĩ Lục Văn Đình (trong *Con người đến tuổi trung niên*) được mô tả đẹp như một thiên thần, tay nghề cao, có ý thức, kính trọng đồng sự, yêu quý cấp dưới; là mẹ hiền dâu thảo, yêu nước, vô tư, không hề chê trách vào đâu được. Một số tác phẩm đã sửa chữa khuyết điểm trên bằng cách cho nhân vật mắc những nhược điểm như nóng vội, không lịch sự v.v, nhưng đó chỉ là “gia vị” điều chỉnh chứ chưa phải là nhân vật sống động, phong phú.

Sở dĩ có mâu thuẫn nhân vật vừa chân thực vừa công thức là do nguyên nhân xã hội và quan niệm gây nên. Như chúng ta đều biết, trong “Cách mạng văn hóa”, người trí thức bị vùi xuống bùn đen, luận điệu hoang đường cho rằng “trí thức càng nhiều càng phản động” làm cho số phận người trí thức càng thêm điều đùng. Hiện tượng đó làm cho những người có lương tri thấy bất bình. Một khi sợi dây căng đã đứt, sự phẫn nộ kìm nén lâu ngày sẽ bùng phát. Xưa kia người trí thức bị vùi dập bao nhiêu, thì sang thời kì mới, họ được đề cao bấy nhiêu. “Vật cực tất phản”, ca ngợi giới trí thức trở thành trào lưu của thời đại. Sau “Cách mạng văn hóa”, ai còn bối lung tìm vết vạch ra những khuyết điểm của trí thức là một sự khiêu khích không bình thường. Khi ca ngợi còn chưa đúng mức thì người ta dễ dàng bỏ qua những nhược điểm của người trí thức, do đó hiện tượng sáng tác ca ngợi người trí thức trở thành khá phổ biến.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến việc chỉ ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người trí thức là có sự ngộ nhận trong quan niệm nghệ thuật. Mô thức sáng tạo “nhân vật chính diện” ở thời kì trước, rồi quan niệm sáng tác “ba đột xuất” (làm nổi bật nhân vật chính diện, từ trong những nhân vật chính diện làm nổi bật nhân vật anh hùng, rồi từ những nhân vật anh hùng làm nổi bật nhân vật anh hùng chủ yếu) và “cao lớn toàn diện” của thời “Cách mạng văn hóa” vẫn chưa gột rửa hết, “u hồn” của những quan niệm sáng tác sai trái ấy vẫn còn lớn vồn trong đầu óc các nhà văn, do đó chưa thể sáng tạo ra được những nhân vật trí thức vừa chân thật vừa phức tạp được.

Bước sang cuối thập kỉ 80 và những năm 90, hình tượng người trí thức bị phê phán bắt đầu xuất hiện. Nói như nhà văn Ba Kim (trong tác phẩm *Tùy tưởng lục*) là trong giới trí thức dấy lên phong trào “sám hối toàn dân tộc”, nhất là trong thời làn gió kinh tế thị trường đang tác động mạnh đến toàn dân, trong đó có trí thức đang bị phân hóa dữ dội, hình tượng người trí thức thánh thiện không còn nữa. Có thể nói, truyện vừa *Anh không có cách gì lựa chọn* của Lưu Sách La là tiêu biểu cho sự chuyển biến này. Ở đây, những nhân vật hết lòng vì công việc chung như Lục Văn Đình trong *Con người đến tuổi trung niên* của Thẩm Dung không còn thấy nữa. Những nhà văn trước kia ca ngợi trí thức một chiều, giờ cũng bắt đầu thay đổi. Thẩm Dung từ *Con người đến tuổi trung niên* đã chuyển sang *Bớt đi mười tuổi*, *Dở khóc dở cười*; Lý Quốc Văn từ *Nguyệt thực* chuyển sang *Kỉ sự về ngôi lâu sắp đổ*,

Tình thân không nản; Lưu Tâm Vũ từ *Tôi yêu mỗi một phiến lá* chuyển sang *Gió thổi bên tai*, *Ngôi sao hội họa*, *Ngôi sao ca hát*, *Ngôi sao văn chương*; Trương Hiền Lượng từ *Linh hồn và thể xác* chuyển sang *Chết vì thói quen*; Trương Khiết từ *Tình yêu không thể quên* chuyển sang *Xáo động của bàn chân*, *Mưu sát* v.v. Đối với người trí thức, những tác phẩm trên từ giọng điệu thi vị hóa chuyển sang giọng điệu châm biếm là do hiện thực xã hội thay đổi và do sự thôi thúc của sự điều chỉnh nghệ thuật tạo nên. Các nhà văn thoát được tư duy giáo điều cũ, nhìn nhận được tính phức tạp của tầng lớp trí thức. Trước ma lực của đồng tiền, có nhiều trí thức từ “thiên thần” rơi xuống hóa thành “quỷ dữ”, ở đây có sự giằng xé vật lộn giữa nhân tính và thú tính, giữa văn minh và dã man, giữa an bản lạc đạo và tham lam vô si.

Tuy nhiên, công bằng mà nói, nếu xưa người ta “thi vị hóa” người trí thức một cách quá đáng thì tiểu thuyết những năm 90 lại mô tả người trí thức thành ra “ma quỷ” một cách thái quá. Thật ra, thời gian này ở Trung Quốc, giới trí thức vẫn là người tiên phong, kiên quyết nhất trong sự nghiệp đấu tranh cho sự tiến bộ của xã hội. Phê phán là cần thiết, nhưng không nhìn thấy mặt tốt của người trí thức trong xã hội ngày nay thì là phóng đại, không chân thật.

Tóm lại, thập toàn thập mỹ như “thiên thần”, xấu xa dơ bẩn như “ma quỷ” đều là giả dối, không đúng với bộ mặt nguyên dạng của nhân vật đa dạng và phong phú.